

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.09.26.05/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Viện 6 – XNCN số 2
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.09.11/BBGM. Ngày 11 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	0,0079	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	7,33	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

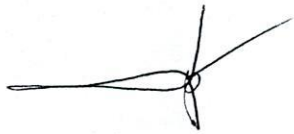
Số: 599/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước số 2
Vị trí lấy mẫu : Nước thô giếng khoan Viện 6
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 38/T9/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 599/BB ngày 09 tháng 9 năm 2025
Ngày phân tích : 10/9/2025 - 12/9/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	6.96	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Chỉ số Pemanganat	mg/L	0.42	4	TCVN 6186:1996
4	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	307	500	TCVN 6224:1996
5	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.36	15	TCVN 6180:1996
7	Clorua	mg/L	9.5	250	TCVN 6194:1996
8	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	PP/MN
9	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	380.3	1500	PP/TDS
10	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019

11	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod: 1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019
Phụ trách Kỹ thuật bộ phận phân tích  Nguyễn Hoàng Lâm Kiểm soát  Đỗ Quang Phụng Sơn La, ngày 15 tháng 9 năm 2025 P. Tổng giám đốc  Phạm Ngọc Dũng					
Ghi chú: - KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định. - Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang. - Mẫu do đơn vị gửi đến. - Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$. - Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên. - Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.					